

XÂY DỰNG CÔNG CUỘC CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC (1996-2000)

Vào nửa sau những năm 90 của thế kỉ XX, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến, nổi lên một số đặc điểm sau đây: - Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu tuy đã sụp đổ khiến chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng không làm thay đổi tính chất của thời đại. Loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn, nội dung và biểu hiện cũng có những nét mới.

- Nguy cơ chiến tranh thế giới huỷ diệt bị đẩy lùi, nhưng xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột về dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi.

Cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển với trình độ ngày càng cao, tăng nhanh lực lượng sản xuất, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hoá nền kinh tế và đời sống xã hội.

- Cộng đồng thế giới đứng trước nhiều vấn đề có tính toàn cầu (bảo vệ môi trường, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo...), không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết, mà cần phải có sự hợp tác đa phương. Trong quan hệ quốc tế, xu thế hoà bình, ổn định và hợp tác để phát triển ngày càng trở thành đòi hỏi bức xúc của các dân tộc và quốc gia trên thế giới; nhiều nước dành ưu tiên cho phát triển kinh tế, coi phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia. Các quốc gia lớn, nhỏ tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực hoạt động khác. Hợp tác ngày càng tăng nhanh, nhưng cạnh tranh cũng rất gay gắt.

Các dân tộc nâng cao ý thức độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đấu tranh chống lại sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài, bảo vệ độc lập chủ quyền và nền văn hoá dân tộc.

Các đặc điểm và xu thế trong quan hệ quốc tế nêu trên đã làm nảy sinh tính đa phương, đa dạng trong quan hệ quốc tế và trong chính sách đối ngoại của các nước. Tình hình thế giới và khu vực cũng tác động sâu sắc đến các mặt đời sống xã hội nước ta, đưa đến những thuận lợi lớn đồng

thời cũng làm xuất hiện những thách thức lớn.

Nước ta đã trải qua 10 năm đổi mới và giành được những thắng lợi bước đầu rất quan trọng cả về kinh tế, xã hội, chính trị, đối nội và đối ngoại. Những thành tựu của công cuộc đổi mới đã và đang tạo ra thế và lực mới để chúng ta bước vào một thời kì mới. Nhiều tiền đề cần thiết cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã chín muồi. Quan hệ của nước ta với các nước trên thế giới được mở rộng; khả năng giữ vững độc lập tự chủ và hội nhập với cộng đồng thế giới tăng thêm. Đó chính là những thời cơ lớn.

Bên cạnh thời cơ lớn, chúng ta vẫn đang đứng trước bốn nguy cơ (do Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kì của Đảng, họp từ ngày 20 đến ngày 25-1-1994, nêu lên), đó là: Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực, nguy cơ "diễn biến hoà bình", nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa và tệ quan liêu, tham nhũng. xuất phát từ tình hình trên, đồng thời căn cứ vào Cương lĩnh của Đảng, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (28-6 - 1-7- 1996) đề ra mục tiêu đến năm 2020 là "tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kĩ thuật hiện đại, cơ cấu kinh

tế hợp lí, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp" 1. 5 năm cuối cùng của thập kỉ 90 (1996 - 2000) là bước rất quan trọng của thời kì phát triển mới, thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được đề ra trong *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*: Tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỉ sau. Nội dung cơ bản của công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong những năm còn lại của thập kỉ 90 là: Đặc biệt coi trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn; phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế,

trước hết ở những khâu ách tắc và yếu kém nhất đang cản trở sự phát triển.

Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng trọng yếu và hết sức cấp thiết, có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao. Mở rộng thương nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại. Hình thành dần một số ngành mũi nhọn như chế biến nông, lâm, thủy sản, khai thác và chế biến dầu khí, một số ngành cơ khí chế tạo, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, du lịch. Phát triển mạnh sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, nhất là từ giữa năm 1997 đến năm 1999, tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực, cùng với thiên tai nghiêm trọng liên tiếp xảy ra đã đặt nền kinh tế nước ta trước những thử thách quyết liệt. Trong bối cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân ta đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn thách thức, giành nhiều thắng lợi to lớn:

Kinh tế tăng trưởng khá. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hằng năm 7%. Đến năm 2000, tổng sản phẩm trong nước tăng hơn

2 lần so với năm 1990. Sản xuất nông nghiệp phát triển liên tục, đặc biệt là sản xuất lương thực. Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân hằng năm 5,7% so với mục tiêu đề ra là 4,5 - 5%; trong đó nông nghiệp tăng 5,6%, lâm nghiệp 0,4%, ngư nghiệp 8,4% 1. Sản lượng lương thực có hạt tăng bình quân hằng năm trên 1,6 triệu tấn; lương thực bình quân đầu người tăng từ 360 kg năm 1995, lên trên 444 kg năm 2000 2. Nhiều vùng sản xuất nông sản hàng hoá tập trung gắn với công nghiệp chế biến bước đầu hình thành; sản phẩm nông nghiệp đa dạng hơn.

Diện tích trồng cây công nghiệp tăng hơn trước: Cà phê gấp hơn 2,7 lần, cao su tăng 46%, mía tăng 35%, bông tăng 8%, rừng nguyên liệu giấy tăng 66%... so với năm 1995 . Chăn nuôi tiếp tục phát triển. Sản lượng thịt lợn hơi năm 2000 đạt trên 1,4 triệu tấn, tăng 1,4 lần so với năm 1995 . Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản năm 2000 đạt 4,3 tỉ USD, gấp hơn 1,7 lần so với năm 1995, bình quân hằng năm chiếm khoảng 30% kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Chúng ta đã tạo được 3 mặt hàng xuất khẩu chủ lực là gạo (đứng thứ 2 thế giới), cà phê (đứng thứ 3 thế giới) và hàng thủy sản . Giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm tăng 13,5%; trong đó công nghiệp quốc doanh tăng 9,5%, công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 11,5%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 21,8% 6. Năng lực sản xuất các sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng khá: Năm 2000 so với năm 1995, công suất

điện gấp 1,5 lần, xi măng gấp 2,1 lần, thép gấp 1,7 lần, mía đường gấp hơn 5 lần. Hệ thống kết cấu hạ tầng: Bru chính - viễn thông, đường sá, cầu, cảng, sân bay, điện, thủy lợi... được tăng cường. Các ngành dịch vụ, xuất khẩu và nhập khẩu đều phát triển. Đến năm 2000, chúng ta đã chặn được đà giảm sút mức tăng trưởng kinh tế, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, vượt qua được cơn chập động chính trị và sự hẫng hụt về thị trường do những biến động ở Liên Xô và Đông Âu gây ra; phá được thế bị bao vây cấm vận, mở rộng được quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; không để bị cuốn sâu vào cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế.

- văn hoá, xã hội có những tiến bộ; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Giáo dục và đào tạo phát triển về quy mô và cơ sở vật chất. Trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên. Nước ta đã đạt chuẩn quốc gia về xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ chuyên biến tích cực, gắn bó hơn với phát triển kinh tế - xã hội. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, báo chí, xuất bản góp phần tích cực động viên toàn dân tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nâng cao kiến thức và chất lượng cuộc sống. Những nhu cầu thiết yếu của nhân dân về ăn, ở, mặc, chăm sóc sức khoẻ, nước sạch, điện sinh hoạt, học tập, đi lại, giải trí... được đáp ứng tốt hơn. Việc chăm sóc sức khoẻ của nhân dân được đẩy mạnh.

Mỗi năm hơn 1,2 triệu lao động có việc làm mới. Công tác xoá đói giảm nghèo trên phạm vi cả nước đạt kết quả nổi bật, được dư luận thế giới đánh giá cao. Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chuẩn của nước ta) từ trên 30% (năm 1991), đến năm 2000, giảm xuống còn 10% 1. Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình có nhiều thành tích, được Liên hợp quốc tặng giải thưởng. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hằng năm từ 2,3% giảm xuống 1,4% 2. Các hoạt động uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa, hoạt động nhân đạo, từ thiện... được mở rộng, thu hút sự tham gia của các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, đoàn thể và doanh nghiệp.

- *Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường.* Các lực lượng vũ trang nhân dân làm tốt nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh quốc gia. Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, nhất là trên các địa bàn chiến lược, biên giới, biển, đảo được phát huy.

- *Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng; hệ thống chính trị được củng cố.* Toàn Đảng tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII.